TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1730/2021/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1075/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số 204/18 đường A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
Bà Vũ Thúy Q, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Số 204/18 đường A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/7/2021 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2012, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường G, Quận N (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2012 thì quan hệ hôn nhân của ông N và bà Q là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông N và bà Q cảm thấy không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của ông N và bà Q là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông N và bà Q xác nhận trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là trẻ Nguyễn Vũ Thảo L, sinh ngày 29/7/2011, trẻ Nguyễn Khôi N, sinh ngày 18/4/2014 và trẻ Nguyễn Vũ Thảo Chi, sinh ngày 17/7/2019. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao 03 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông N không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Ông N và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N và bà Q xác nhận không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, ông N tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thúy Q thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Q theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2012, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2012 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông N và bà Q xác nhận trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là trẻ Nguyễn Vũ Thảo L, sinh ngày 29/7/2011, trẻ Nguyễn Khôi N, sinh ngày 18/4/2014 và trẻ Nguyễn Vũ Thảo Chi, sinh ngày 17/7/2019. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao 03 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi các con chung.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

Quyền và nghĩa vụ của ông N và bà Q về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông N và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông N và bà Q xác nhận không có.

2.Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông N tự nguyện chịu, được cấn trừ số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0028792 ngày 30/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk. Trang)./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương